TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 20 -3-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Quang H, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: thôn D, xã T, huyện Đ, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

(Anh H có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Đặng Quang H trình bày:* Ngày 23/6/2023, anh cho ông Phạm Văn K vay số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông K và vợ (bà Nguyễn Thị H1) đến Văn phòng công chứng N

ký hợp đồng ủy quyền số 02790, quyển số 06/2023-TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 23/6/2023. Theo hợp đồng này, ông K và bà H1 ủy quyền cho anh H thửa đất số 18 tờ bản đồ 45 thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ, đồng thời ông K giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 234692 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/9/2018 cho ông K đứng tên để anh lưu giữ.

Sau khi công chứng hợp đồng ủy quyền, theo yêu cầu của vợ chồng ông K và anh Phạm Văn T (con ruột ông K, bà H1), anh H chuyển cho ông K số tiền 400.000.000 đồng vào số tài khoản 67110000584772 mở tại Ngân hàng BIDV do anh Phạm Văn T đứng tên. Ngày 28/7/2023, ông K hỏi vay thêm 100.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, anh đồng ý và chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản nêu trên của anh T. Đến ngày 11/9/2023, ông K tiếp tục hỏi vay thêm 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, anh đồng ý và tiếp tục chuyển 50.000.000 đồng cho ông K vào tài khoản của anh T như trên. Tổng cộng anh cho ông K vay số tiền 550.000.000 đồng.

Ông K cam kết là người đứng ra vay tiền và chịu trách nhiệm trả nợ cho anh, tiền lãi suất hàng tháng thì anh T (con ruột ông K, bà H1) sẽ trả cho anh. Sau khi vay tiền, anh Phạm Văn T đóng lãi cho anh được 07 lần với tổng số tiền 85.800.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 0401000393294 mở tại Ngân hàng Vietcom mang tên Đặng Quang H.

Từ ngày 29/01/2024 đến nay, dù đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông K không trả gốc, cũng không trả thêm tiền lãi cho anh. Bà Nguyễn Thị H1 đã chết.

Nay anh yêu cầu ông Phạm Văn K phải trả nợ gốc 550.000.000 đồng, lãi suất tạm tính đến ngày 23/6/2024 là 24.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/6/2024 (theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự - tương ứng 20%/năm) cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án, đồng ý trừ tiền lãi đã nhận.

Ngoài hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng N thì giữa anh với ông K, anh T không lập văn bản nào khác liên quan đến việc anh cho ông K vay 550.000.000 đồng.

Anh không tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với hợp đồng ủy quyền số 02790, quyển số 06/2023-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/6/2023. Sau khi ông K trả đủ tiền thì anh sẽ hủy hợp đồng ủy quyền và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K.

Toàn bộ số tiền cho ông K vay là tài sản riêng của anh H, không liên quan gì đến vợ anh (chị Nguyễn Thị H2).

** Bị đơn ông Phạm Văn K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án giao nộp tài liệu, chứng cứ nên không có lời trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án giao nộp tài liệu, chứng cứ nên không có lời trình bày.*

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Tại phiên tòa anh H đính chính: ông Phạm Văn K, sinh năm 1966 (trong đơn khởi kiện anh đánh máy nhầm thành 1962).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ tranh chấp đúng và đầy đủ; xác định tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do anh Đặng Quang H cung cấp, thể hiện thời gian từ ngày 23/6/2023 đến ngày 11/9/2023 anh H có cho ông Phạm Văn K vay tổng số tiền 550.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/1 tháng, thời hạn vay từ 23/6/2023 đến ngày 23/12/2023. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông K và bà H1 đến Văn phòng công chứng N thế chấp cho anh H quyền sử dụng đất thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 45 tại thị trấn H, huyện N. Sau khi vay tiền, anh T (con trai ông K) có chuyển trả cho anh H bằng hình thức chuyển khoản được 7 lần tiền lãi với số tiền 85.800.000đồng. Từ ngày 29/01/2024 đến nay dù hết thời hạn trả nợ nhưng ông K không trả tiền gốc và lãi cho anh H. Do đó, nay anh H đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Phạm Văn K phải trả số tiền nợ gốc là 550.000.000đồng, lãi suất 20%/1năm từ ngày vay cho đến khi Tòa xét xử xong là phù hợp với quy định tại khoản Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Quang H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Ông Phạm Văn K và anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đặng Quang H yêu cầu ông Phạm Văn K trả nợ, hiện nay ông K cư trú và sinh sống tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Quan hệ pháp luật được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

+ Tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định: Nguyên đơn là anh Đặng Quang H, bị đơn là ông Phạm Văn K.

Do các lần chuyển tiền vay và đóng lãi đều thông qua tài khoản của anh Phạm Văn T (con trai ông K) nên xác định anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh H và chị H2 (vợ anh H) xác định số tiền cho ông K vay là tài sản riêng của anh H nên không đưa chị Nguyễn Thị H2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh Đặng Quang H cung cấp chứng minh được trong các ngày 23/6/2023, 28/7/2023 và 11/9/2023 anh H chuyển vào tài khoản của anh Phạm Văn T tổng số tiền 550.000.000 đồng. Anh H khai là số tiền này là anh cho ông Phạm Văn K (cha anh T vay) và ông K thế chấp cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 234692 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/9/2018 cho ông K đứng tên, đồng thời ngày 23/6/2023 vợ chồng ông K, bà H1 đến Văn phòng công chứng N ký hợp đồng ủy quyền cho anh H thửa đất số 18 tờ bản đồ 45 thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ, mục đích để đảm bảo cho số tiền vay.

Tại biên bản xác minh ngày 26/12/2024, Công an thị trấn H cung cấp: ông Phạm Văn K, sinh năm 1966 - căn cước công dân số 031066001002 cấp ngày 28/6/2022 có đăng ký thường trú và sinh sống tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ. Ông K có con là Phạm Văn T, sinh năm 1990 – có đăng ký thường trú và sinh sống tại khu phố P, thị trấn H. Như vậy xác định được anh T là con trai của ông K và chứng minh được lời khai của anh Đặng Quang H là có căn cứ.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn K và anh Phạm Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án giao nộp chứng cứ, cũng không tham gia tố tụng. Từ đó thể hiện ông K, anh T biết việc anh H kiện đòi nợ và mặc nhiên thừa nhận sự việc có vay tiền của anh H.

Ông K, anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nợ 550.000.000 đồng cho anh H nên cần buộc ông K phải trả nợ gốc theo yêu cầu của anh H là phù hợp pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi suất:

Anh H khai cho ông K vay tiền, thỏa thuận lãi 3%/tháng. Mặc dù không có văn bản nào thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng căn cứ vào sao kê tài khoản Ngân hàng do anh H cung cấp thì anh T có chuyển khoản trả lãi cho anh H 07 lần với tổng số tiền 85.800.000 đồng, cụ thể: ngày 22/7/2023 trả 12.000.000đồng, ngày 23/8/2023 trả 15.000.000 đồng, ngày 23/9/2023 trả 15.800.000 đồng, ngày 29/11/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 29/12/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 30/12/2023 trả 6.500.000 đồng, ngày 29/01/2024 trả 16.500.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, việc anh H yêu cầu ông K trả lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử và đồng ý cấn trừ tiền lãi ông K đã đóng là phù hợp nên được chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

+ 400.000.000 đồng x 01 tháng 04 ngày (từ 23/6/2023 đến 27/7/2023) x (20% : 12 tháng) = 7.555.000 đồng.

+ 500.000.000 đồng x 01 tháng 12 ngày (từ ngày 28/7/2023 đến 11/9/2023) x (20% :12 tháng) = 11.669.000 đồng.

+ 550.000.000 đồng x 01 năm 06 tháng 08 ngày (từ 12/9/2023 đến 20/3/2025) x (20% :12 tháng) = 167.444.000 đồng.

Tổng tiền lãi là 186.668.000 đồng – 85.800.000 đồng (tiền lãi đã đóng) = 100.868.000 đồng.

Như vậy ông Phạm Văn K phải trả cho anh Đặng Quang H tổng cộng gốc và lãi là 650.868.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

[3.3]. Anh H, ông K không có yêu cầu gì đối với hợp đồng ủy quyền số 02790, quyển số 06/2023-TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng công chứng N và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông K thế chấp cho anh H nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên anh Đặng Quang H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch 650.868.000 đồng).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Quang H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Phạm Văn K.

Xử: Buộc ông Phạm Văn K phải trả cho anh Đặng Quang H tổng số tiền 650.868.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Trả lại cho anh Đặng Quang H số tiền 13.484.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022272 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ.

Ông Phạm Văn K phải chịu 30.034.720 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho anh Đặng Quang H biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai